



TÌM HIỂU HIẾN PHÁP HOA KỲ (*)

NGUYỄN VĂN LÝ

ĐIỀU 3: NGÀNH TƯ PHÁP

Khoản 1: Tòa án liên bang

Tối cao pháp viện và các tòa án liên bang cấp thấp hơn

Nội dung khoản 1 ghi rõ: "Thẩm quyền tư pháp của Hiệp Chúng Quốc được trao cho Tối cao pháp viện và các tòa án liên bang cấp thấp hơn do Quốc hội thành lập". Thẩm phán Tối cao pháp viện và các thẩm phán của các tòa án liên bang cấp thấp hơn là những người được cử giữ nhiệm vụ trọn đời, nếu có tư cách tốt. Lương bổng không bị giảm trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Các thẩm phán liên bang có thể bị truất phế theo thủ tục Impeachment.

Cơ sở tư tưởng của bản Hiến pháp Hoa Kỳ vẫn là chủ trương "Tam quyền phân lập" nên dĩ nhiên quyền Tư pháp được tách ra khỏi quyền Lập pháp và Hành pháp, nhưng nhân dân không trực tiếp bầu các thẩm phán, các tòa án liên bang các cấp cũng được Quốc hội thiết lập, một lần nữa ta thấy mặc nhiên Quốc hội vẫn được xem như cơ quan quyền lực cao nhất. Các tòa án được điều hành bởi luật, mà luật là sản phẩm độc quyền của Quốc hội.

Khoản 2 qui định thẩm quyền của các tòa án liên bang.

1. Các tòa án liên bang có thẩm

quyền thụ lý tất cả các vụ tranh tụng có liên quan đến Hiến pháp, luật liên bang, các hiệp ước quốc tế. Tòa cũng thụ lý các vụ tranh tụng giữa liên bang và tiểu bang giữa các tiểu bang và công dân khác tiểu bang, công dân Hoa Kỳ và công dân các nước khác tranh tụng lẫn nhau.

2. Tối cao pháp viện. Tối cao pháp viện sẽ xét xử sơ thẩm và cũng là chung thẩm các vụ có liên quan đến các vụ tranh tụng mà một bên là tiểu bang, bên kia là đại sứ, sứ thần hoặc lãnh sự nước ngoài. Ngoài ra các vụ tranh tụng đều do các tòa án thấp hơn xét xử sơ thẩm và có thể được Tối cao pháp viện phúc thẩm cả về luật lẫn nội dung.

Nội dung của tiết 2 đã bị Tu chính án 11 năm 1798 sửa đổi gần hết, theo Tu chính án 11, các vụ tranh tụng giữa tiểu bang và công dân tiểu bang khác hoặc giữa tiểu bang và công dân nước ngoài sẽ được xét xử tại tòa án tiểu bang.

3. Về các tội phạm hình sự đối với liên bang, trừ trường hợp bị xét xử để truất quyền (Impeachment) sẽ xét xử tại tòa án tiểu bang nơi tội phạm xảy ra.

Nhận xét

Chức năng chính của ngành Tư pháp là duyệt xét tính cách hợp hiến của các đạo luật. Tối cao pháp viện và các tòa án liên

bang nghiên cứu các đạo luật được Quốc hội thông qua và Tổng thống ban hành. Nếu một đạo luật bị xem là vi hiến thì sẽ mất hiệu lực.

Ngành Tư pháp có quyền tuyên bố đạo luật nào vi hiến sau khi đã xem xét nội dung các đạo luật đó, đây là quyền lực của ngành Tư pháp có mục đích thẩm định lại việc làm luật của ngành Lập pháp và Hành pháp.

Ngược lại, Lập pháp và Hành pháp cũng có quyền kiểm soát ngành Tư pháp bằng việc bổ nhiệm các thẩm phán.

Tất cả các thẩm phán liên bang đều do Tổng thống bổ nhiệm và phục vụ trọn đời, như vậy ngành Hành pháp đã có ảnh hưởng nhất định đối với Tư pháp, nhưng việc bổ nhiệm thẩm phán phải được Thượng viện chấp thuận, như vậy là Lập pháp kiểm soát lại hành động của Hành pháp và Tư pháp.

Hệ thống quyền lực cân bằng và kiểm soát lẫn nhau là ý định của những người thảo ra Hiến pháp 1789, họ muốn rằng không có ngành nào trong ba ngành quyền lực có ưu thế tuyệt đối, đó là một bảo đảm cho việc thực thi chủ thuyết "Tam quyền phân lập", nhưng trong thực tế Quốc hội vẫn giữ ưu thế. Trong diễn trình bổ nhiệm thẩm phán, Thượng viện vẫn có quyền tối hậu. Sự can thiệp của Hành pháp và Lập pháp chỉ đến mức bổ nhiệm thẩm phán và dừng lại ở đó. Các thẩm phán tòa quyền độc lập trong việc xét xử và giải thích luật. Hành pháp và Lập pháp không có cách gì đảo ngược các phán quyết của tòa án.

Trong buổi đầu dựng nước, tòa án liên bang không phải là đã có đầy đủ thẩm quyền và thế đứng vững vàng bên cạnh Hành pháp và Lập pháp như ngày nay. Nội dung điều III của Hiến pháp chỉ qui định một cách tổng quát và có thể xem là quá thô sơ so với thực tế của hệ thống tổ chức và chức năng của hệ thống tòa án liên bang hiện nay.

Người đã có công làm cho hệ thống tòa án liên bang trở nên mạnh mẽ và phát triển cân đối với hai quyền lực Hành pháp và Lập pháp đúng như ý nguyện của những người thảo ra hiến pháp đó là thẩm phán John Marshall, ông là người đã chiến đấu trong hàng ngũ cách mạng, sau đó là một luật sư và là nhà chính trị nổi tiếng. Năm 1801 John Marshall được bổ nhiệm làm Chủ tịch Tối cao pháp viện, ông đã đảm nhiệm chức vụ này liên tục trong 34 năm suốt thời gian tại chức John Marshall đã xây dựng quyền lực cho ngành Tư pháp rất nhiều.

John Marshall là vị chủ tịch thứ 3 kể từ khi Tối cao pháp viện được thành lập. Tổng thống John Adams bổ nhiệm John

Marshall, trước khi Adams hết nhiệm kỳ hi vọng là John Marshall sẽ củng cố quyền lực của tòa án chống lại ảnh hưởng của Tổng thống mới và những người emocratic - Republicans, (John Adams thuộc phái Federalist).

Sau đó, nhiều thẩm phán thuộc phái emocratic - Republic đã được bổ nhiệm vào Tòa án Tối cao, đã cố gắng nhất trí với John Marshall là Tòa án Tối cao phải có quyền tuyên bố một đạo luật nào đó là vi hiến nếu nội dung nó có những điều trái ngược với Hiến pháp; mặc dầu quyền này không minh thị ghi trong Hiến pháp, nhưng John Marshall tin rằng nó phù hợp với nguyên vọng của những người thảo luận.

Năm 1803, Marshall và Tòa án Tối cao đã tuyên bố một đạo luật được Quốc hội thông qua là vi hiến. Hành động này đã gây nên nhiều chỉ trích gay gắt cho rằng Tòa án Tối cao đã đi quá xa chức năng của mình, nhưng cuối cùng Marshall cũng đã khẳng định được quyền lực của Tòa án Tối cao là cơ quyền duyệt lại tính chất hợp hiến của các đạo luật liên bang cũng như tiểu bang, đây là một quyền lực rất lớn trong ngành Tư pháp, nó nổi dài thêm diện tích hành luật. Nhưng hành động của Tòa án Tối cao năm 1803, chưa thực sự được củng cố, phải đợi đến 54 năm sau, năm 1857, Tòa án Tối cao đã hành động một lần nữa, tuyên bố một đạo luật được Quốc hội thông qua là vi hiến.

Từ 1857 cho đến ngày nay, Tòa án Tối cao đã xử dụng quyền này nhiều lần. Ngày nay quyền duyệt lại hiến tính của các đạo luật đã thực sự vững chắc, với quyền này, ngành Tư pháp cũng đã thật sự ngang hàng với hai ngành quyền lực làm luật và thi hành luật.

Hệ thống tòa án liên bang.

Việc tìm hiểu hệ thống tổ chức, cách

xét xử, thủ tục tố tụng ... là một đề tài khác, trong bài này chúng tôi chỉ lướt qua hệ thống tổ chức các tòa án liên bang mà thôi.

Tòa án Tối cao hay Tòa án Tối cao liên bang được thiết lập theo Hiến pháp. Có hai loại tòa án liên bang: Loại bình thường (Regulars) và loại đặc biệt (Special federal Courts); mỗi loại lại có ba tòa án khác nhau. Về loại bình thường thì có Tòa án Tối cao, Tòa phúc thẩm và tòa án "quận" (district) (Chữ "district" thật ra không tương đương với quận hay huyện VN mà là một đơn vị hành chính tương đương cấp tỉnh). Tất cả các thẩm phán tòa án liên bang do Tổng thống bổ nhiệm với sự thỏa thuận của Thượng viện, tiền lương như sau:

Chủ tịch tối cao pháp viện 96.800 USD một năm, các thẩm phán khác 93.000 USD một năm.

Tòa án Tối cao có tất cả 9 thẩm phán, một ông là Chủ tịch, 8 ông là hội thẩm. Lương của thẩm phán các tòa án liên bang ở các cấp khác thay đổi từ 70.300 USD đến 74.300 USD một năm.

Điều 3 nói về ngành Tư pháp có nhiều khoản, khoản thứ 3 nói về tội phạm, việc sắp đặt khoản này vào đây có vẻ lạc lõng vì khoản này quy định nội dung tội trạng phạm tội và cách xử phạt, giống như một điều khoản trong một đạo luật chứ không phải là một điều khoản của Hiến pháp.

ĐIỀU 4 : QUAN HỆ GIỮA CÁC TIỂU BANG.

Khoản 1. Tiểu bang này phải tôn trọng luật lệ biên bản và các văn bản pháp lý... của tiểu bang kia.

Khoản 2. Tiết 1: Tiểu bang phải đối xử với công dân của tiểu bang khác như công dân của mình. Tiết 2: người bị kết án hình sự, từ tiểu bang này, trốn qua tiểu

bang khác, sẽ bị trả lại nơi y phạm tội, nếu ở nơi đó chính quyền tiểu bang yêu cầu dẫn giải y. Tiết 3 đã bị thay đổi bởi Tu chính án 13 năm 1865.

Khoản 3. Tiểu bang mới và các lãnh thổ.

1. Chấp nhận tiểu bang mới: Quốc hội sẽ chấp nhận cho một tiểu bang mới gia nhập liên bang, nhưng tiểu bang mới này không được thành lập bằng cách kết hợp các tiểu bang cũ với nhau, hoặc cắt một phần lãnh thổ của một số tiểu bang cũ để trở thành tiểu bang mới, tất cả những việc này phải được sự ưng thuận của cơ quan lập pháp tiểu bang và Quốc hội liên bang thì một tiểu bang mới thành lập theo kiểu đó mới được phép.

2. Quyền lực của Quốc hội đối với các lãnh thổ phụ thuộc Hiệp Chúng Quốc: Quốc hội có quyền làm luật và thiết lập các qui tắc cai trị cho tất cả các lãnh thổ sở hữu của Hiệp Chúng Quốc.

Khoản 4: Bảo đảm và bảo vệ các tiểu bang.

Các tiểu bang phải bảo đảm là các chính quyền tiểu bang phải là chính quyền cộng hòa.

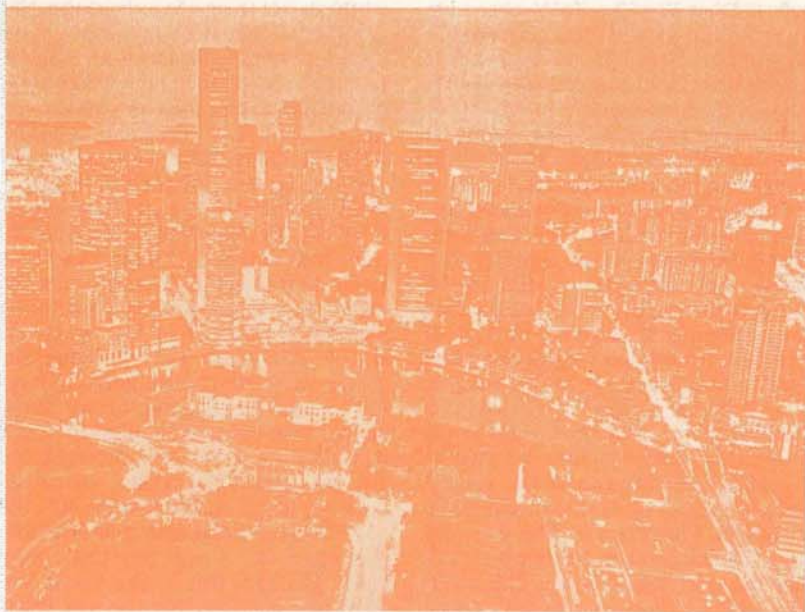
Liên bang bảo vệ các tiểu bang chống lại mọi tấn công từ ngoài và các bạo loạn bên trong biên giới tiểu bang.

ĐIỀU 5: CÁC TU CHÍNH

Muốn tu chính một điều khoản Hiến pháp, Quốc hội phải đạt được 2/3 phiếu thuận ở mỗi viện hoặc bởi 2/3 số tiểu bang trong hội nghị liên bang, đồng ý sẽ tu chính một điều khoản nào đó. Tu chính án phải được phê chuẩn và chấp thuận bởi 3/4 cơ quan lập pháp trên tổng số các cơ quan lập pháp tiểu bang, hoặc 3/4 trên tổng số các tiểu bang trong hội nghị liên bang.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN TỔNG QUÁT

1. Mọi nợ nần của nhà nước có từ



trước khi Hiến pháp được chấp thuận và áp dụng sẽ được chính phủ liên bang gánh chịu trách nhiệm thanh toán.

2. Hiến pháp và các hiện ước được ký kết bởi chính phủ liên bang là luật cao nhất, luật tiểu bang không được trái với Hiến pháp và các hiệp ước liên bang.

3. Tuyên thệ nhậm chức. - Tất cả các viên chức liên bang cũng như tiểu bang, thuộc các ngành Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, phải tuyên thệ ủng hộ và bảo vệ Hiến pháp, trước khi nhậm chức.

Nhưng mọi trách nhiệm tôn giáo sẽ bị cấm, trong việc tuyển chọn nhân viên các cấp, các ngành liên bang cũng như tiểu bang.

ĐIỀU 7: PHIẾ CHUẨN

Hiến pháp sẽ trở thành luật của toàn quốc (The law of the nation) sau khi được 9 trong số 13 tiểu bang phê chuẩn.

Làm xong tại Hội nghị thảo luận với sự đồng thuận của đại diện các tiểu bang.

Ngày 17 tháng 9, năm 1787

Ký tên bởi:

G. Washington, Chủ tịch Hội nghị và là đại diện của tiểu bang Virginia.

John Langdon và Nicholas Gilman (New Hampshire)

Alexander Hamilton (New York)

William Livingston, David Brearley,

William Paterson và Jonathan Dayton (New Jersey)

Jame Mc Henry, Daniel of St. Thomas Jenifer và Daniel Carroll (Maryland)

John Blair và James Madison (Virginia)

Nathaniel Gorham và Rufus King (Massachusetts)

George Read, Gunning Bedford, John Dickinson, Richard Basset và Jacob Broom (Delaware)

John Rutledge, Charles Cotesworth Pinckney, Charles Pinckney và Pierce Butler (South Carolina)

William Samuel Johnson và Roger Sherman (Connecticut)

Benjamin Franklin, Thomas Mifflin, Robert Morris, George Clymer, Thomas Fitzsimons, Jare. Ingersoll, James Wilson và Gouverneur Morris (Pennsylvania)

William Blount, Richard Dobbs Spaight và Hugh Williamson (North Carolina)

William Few và Abraham Baldwin (Georgia)

William Jackson, Thư ký

Trên đây là tên các tiểu bang và các nhân vật lịch sử đã tạo ra bản Hiến pháp cho nước Mỹ, ngày nay người Mỹ xem những nhân vật trên đây là cha đẻ ra Hiến pháp.

(Phần còn lại trong loạt bài này là bài tìm hiểu các tu chính Hiến pháp)

NVL

(*) Theo dõi PTKT từ số 14 (tháng 11.91)

VIỆT NAM - ASEAN NỐI VÒNG TAY LỚN

VĂN THÁ

ĐẶC TRƯNG TOÀN CẢNH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Khu vực Đông Nam Á (South East Asia) bao gồm 10 quốc gia (1) với tổng diện tích gần 4,5 triệu km² và dân số gần 450 triệu (1990), chiếm 3,3% diện tích lãnh thổ kinh tế xã hội toàn thế giới và 8,5% dân số thế giới, bằng 2 lần quy mô lãnh thổ của 12 nước EEC và bằng 1,3 lần dân số của EEC. Quy mô lãnh thổ và dân số của 10 nước được phân bố như sau:

vào hàng đầu thế giới (Singapore: 464,7 người/km²), nhưng lại có nước thưa dân dưới mức trung bình của thế giới (Lào: 16,4 người/km²). Tình hình đô thị hóa với tỉ trọng dân số thành thị cũng khác xa nhau có nước tỉ trọng dân số thành thị cao nhất thế giới (Singapore: 100%) nhưng lại có nước tỉ trọng dân số thành thị vào loại thấp nhất thế giới như Lào (17,5%), Campuchia (11,3%).

Các nước trong khu vực Đông Nam Á đều là những nước đang phát triển, có cơ

Tên nước	Diện tích (ngàn km ²)	Dân số (triệu người)
1. Indonesia	1905	178.2
2. Việt Nam	331	66.2
3. Philippines	300	61.2
4. Thái Lan	514	55.4
5. Mianma (Miến Điện)	676.5	40.8
6. Malaysia	330	17.5
7. Campuchia	181	8.0
8. Lào	236.8	4.2
9. Singapore	0.6	2.7
10. Brunei	5.8	0.3

Nguồn: W.B. World Development Report 1991

Ưu thế nổi bật của vị trí địa lý khu vực ĐNÁ là hầu hết các quốc gia (trừ Lào) đều tiếp cận với đại dương và nằm trên ngã tư trên vùng qua lại của các đường hàng hải quốc tế Đông Bán Cầu. Khí hậu bao trùm trên toàn khu vực là khí hậu nhiệt đới-xích đạo đại dương-gió mùa, rất dồi dào nắng gió, nguồn nước và nông lâm hải sản nhiệt đới xích đạo... Nhưng đây cũng là vùng có nhiều nhiều loạn thời tiết gây ra bão tố lũ lụt, xói mòn đất đai, sâu bệnh hại cây trồng và gia súc. Tài nguyên khoáng sản có nhiều loại, nhưng trữ lượng không lớn lắm, đáng kể là dầu lửa (Indonesia, Việt Nam, Brunei, Malaysia), bô-xít, vàng (Philippines), thiếc (Malaysia)... Một ưu thế chung về tài nguyên nữa là cảnh quan đa dạng, nhiều màu sắc, chan hòa nắng gió với biển xanh, trời biếc, cát vàng và những hòn đảo đầy thơ mộng, quyến rũ khách du lịch.

Phần lớn cư dân khu vực ĐNÁ có gốc châu Á, chịu nhiều ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa và Ấn Độ, theo đạo Phật và đạo Hồi. Hơn 80% dân số khu vực tập trung ở 4 nước đông dân nhất là Indonesia, Việt Nam, Philippines và Thái Lan, đây cũng là 4 trong số hơn 20 nước đông dân nhất thế giới. Mật độ dân cư chênh lệch nhau nhiều: có nước mật độ dân cư đông

cấu kinh tế nông công nghiệp với nền sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Riêng Singapore trong những năm 80 đã phát triển mạnh công thương nghiệp dịch vụ và trở thành một trong bốn nước công nghiệp mới (NIC) ở châu Á, nhưng lại không phát triển được nông nghiệp và hoàn toàn dựa vào nguồn lương thực, thực phẩm ngoại nhập. Trình độ phát triển sức sản xuất chưa cao, quy mô kinh tế toàn khu vực còn nhỏ GNP của Đông Nam Á (10 nước) năm 1989 chỉ đạt dưới 300 tỉ USD, bằng 1,5% GNP của toàn thế giới, nhỏ hơn quy mô GNP của Tây Ban Nha, một thành viên trung bình của EEC 12 nước. Đông Nam Á vẫn là khu vực thuộc nhóm nước thu nhập thấp trên thế giới: bình quân GNP theo đầu người trên toàn khu vực chỉ xấp xỉ 600 USD/người (1989). Riêng Singapore và Brunei có bình quân GNP cao (10-15 ngàn USD/người), nhưng dân số của hai nước này cộng lại chỉ chiếm 0,65% dân số toàn khu vực và vì vậy cũng không góp phần làm "giàu có" khu vực này là được bao nhiêu. Nước chiếm gần 40% dân số ĐNÁ là Indonesia, bình quân GNP theo đầu người vẫn ở mức 500 USD. Nước chiếm gần 15% dân số khu vực là Việt Nam, bình quân còn thấp hơn nữa. Philip